

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 62/2024/HS-ST
Ngày 30 tháng 8 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Toàn
Các Hội Thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Đào
Bà Nguyễn Thị Phầm

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hà Thu- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Phạm Khắc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử công khai trực tiếp vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 57/2024/TL-HSST ngày 15 tháng 7 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 202/2024/QĐXXST-HS ngày 16/8/2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Thanh E**, sinh ngày 04/3/1998; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: **khóm T, phường T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp**; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố: **Nguyễn Văn M** - Đã chết; Mẹ: **Nguyễn Thị K** - sinh năm: 1960. Hiện ở **phường T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp**; Vợ, con: Không; **A**, chị, em ruột: Gia đình có 2 chị em, bị cáo là con thứ hai; Tiền án, Tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 30/11/2023 đến ngày 24/4/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo Lãnh. Hiện đang tại ngoại tại **phường T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp**.

2. Họ và tên: **Cao Phú T**, sinh ngày 25/01/2003; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: **Ấp K, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp**; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố: **Cao Thế D** - sinh năm 1982; Mẹ: **Nguyễn**

Thị Kim T1 - sinh năm: 1982;Bố mẹ hiện đều ở xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp;Vợ, con: Không;A, chị, em ruột: Gia đình có 2 anh em, bị cáo là con thứ nhất;Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 30/11/2023 đến ngày 24/4/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo Lãnh. Hiện đang tại ngoại tại xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

3. Họ và tên: **Phùng Xuân Đ**,sinh ngày 30/9/1980;Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không;Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: **Thôn H, xã Y, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc**; Quốc tịch: Việt Nam;Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do;Là Đảng viên **Đ2**sinh hoạt tại chi bộ **thôn H, xã Y, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc**. Đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 23 ngày 11/10/2023 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy S, tỉnh Vĩnh Phúc; Bố: **Phùng Văn C**- Đã chết;Mẹ: **Vũ Thị T2** - sinh năm: 1952. Hiện ở **xã Y, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc**;Vợ: **Hà Thị Mai H** - sinh năm: 1980; Con: Có 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2012;Vợ và con hiện ở **xã Y, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc**; A, chị, em ruột: Gia đình có 5 anh em, bị cáo là con thứ tư;Tiền án, Tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/9/2023 đến ngày 09/01/2024 được thay thế bằng biện pháp Bảo lãnh, hiện đang tại ngoại tại **xã Y, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc**.

4. Họ và tên: **Phùng Thị L**, sinh ngày 01/4/1983;Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: **Phố A, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ**; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố: **Phùng Văn C** - Đã chết;Mẹ: **Vũ Thị T2** - sinh năm: 1952. Hiện ở **xã Y, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc**;Chồng: **Nguyễn Chí T3**- sinh năm:1981;Con: Có 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2016;Hiện chồng, con đang ở **phố A, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ**; A, chị, em ruột: Gia đình có 5 anh em, bị cáo là con út;Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/9/2023 đến ngày 09/01/2024 được thay thế bằng biện pháp Bảo lãnh, hiện đang tại ngoại tại **phố A, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ**.

5. Họ và tên: **Phùng Thị Khánh L1**,sinh ngày 02/9/2001;Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: **Thôn H, xã Y, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc**; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do;Bố: **Phùng Anh T4** - sinh năm 1972;Mẹ: **Trần Thị L2** - sinh năm 1975. Hiện bố, mẹ đều ở **thôn H, xã Y, huyện S, tỉnh Vĩnh**

Phúc; Chồng, con: Không; **A**, chị, em ruột: Gia đình có 3 chị em, bị cáo là thứ nhất; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/9/2023 đến ngày 17/11/2023 được thay thế bằng biện pháp Bảo lãnh, hiện đang tại ngoại tại **xã Y, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc**;

6. Họ và tên: **Nguyễn Văn M1**, sinh ngày 07/12/1992; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc**; Chỗ ở hiện nay: **Tổ A, khu H, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ**; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố: **Nguyễn Văn V** - sinh năm 1965; Mẹ: **Lê Thị L3** - sinh năm 1967. Bố, mẹ hiện đều ở **thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc**; Vợ, con: Không; **A**, chị, em ruột: Gia đình có 2 chị em, bị cáo là con thứ hai; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/9/2023 đến ngày 17/11/2023 được thay thế bằng biện pháp Bảo lãnh. Hiện đang tại ngoại tại **thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc**.

7. Họ và tên: **Kiều Thị Thu H1**, sinh ngày 18/12/2001; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: **khu L, xã B, huyện P, tỉnh Phú Thọ**; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố: **Kiều Văn H2** - sinh năm 1973; Mẹ: **Nguyễn Thị T5** - sinh năm 1977. Bố, mẹ hiện đều ở **khu E, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ**; Chồng: **Trần Văn T6** - sinh năm: 1996; Con: Có 01 con sinh năm 2022; Anh chị em ruột: Gia đình có 3 anh, em, bị cáo là con thứ hai; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại tại **khu L, xã B, huyện P, tỉnh Phú Thọ**.

8. Họ và tên: **Nguyễn Thị T7**, sinh ngày 10/8/1983; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Khu P, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang**; Chỗ ở hiện nay: **Khu P, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ**; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố: **Nguyễn Tiến D1** - sinh năm 1960; Mẹ: **Phan Thị T8** - sinh năm 1962; Bố, mẹ hiện ở **khu P, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ**; Chồng: **Nguyễn Hữu T9** - sinh năm: 1975 (đã ly hôn); Con: Có 03 con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2015; Anh, chị, em ruột: Gia đình có 6 anh em, bị cáo là con thứ hai; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, **khu P, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ**;

9. Họ và tên: **Phạm Thị Thúy H3**, sinh ngày 02/7/1992; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: **Thôn P, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa**; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Bố: **Phạm An T10**- sinh năm 1959. Hiện ở **xã T, huyện V, tỉnh Khánh Hòa**; Mẹ: **Lê Thị Ngọc T11**- Đã chết; Chồng: **Phạm Quốc D2**- sinh năm: 1992; Con: Có 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2016. Hiện chồng, con đều ở **thôn P, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa**; A, chị, em ruột: Gia đình có 3 anh em, bị cáo là con út; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/10/2023 đến ngày 22/10/2023. Được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại tại **thôn P, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa**.

10. Họ và tên: **Phan Thị Kim T12**, sinh ngày 22/11/1991; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Thôn B, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa**; Chỗ ở: **Thôn X, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa**; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố: **Phan M2**- sinh năm: 1968; Mẹ: **Nguyễn Thị Kim T13**- sinh năm: 1970. Hiện bố, mẹ đều ở **thôn P, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa**; Chồng: **Võ Tấn L4**- sinh năm: 1993; Con: Có 01 con sinh năm 2017. Hiện chồng, con đều ở **thôn X, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa**; A, chị, em ruột: Có 3 anh chị em, bị cáo là con thứ nhất; Tiền án, Tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/10/2023 đến 22/10/2023. Được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại tại **thôn X, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa**.

(Các bị cáo **E, T, Đ, L, L1, M1, T7, Kiều thị Thu H4, Phạm Thị Thúy H3** và bị cáo **T12** đều có mặt)

Người làm chứng: Chị **Huỳnh Thị Bích V1**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: **Thôn X, xã X, huyện V, tỉnh Khánh Hòa**.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2017, **Phùng Xuân Đ**, sinh năm: 1980, trú tại: **Thôn H, xã Y, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc**, thành lập và giữ chức vụ Giám đốc **Công ty TNHH V3** có địa chỉ tại **thôn H, xã Y, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc** để hoạt động tư vấn tài chính. Tháng 12/2022, **Đ** mở

văn phòng đại diện và tuyển nhân viên làm việc tại **Tầng B**, Toà nhà **Bệnh viện V4** cũ, thuộc **phố T, phường T, TP ., tỉnh Phú Thọ**. Đến tháng 2/2023, thấy việc mua bán dữ liệu cá nhân, thông tin tài khoản ngân hàng có lợi nhuận cao nên **Đ** đã nảy sinh ý định mua bán thông tin dữ liệu cá nhân và thông tin tài khoản ngân hàng (1 thông tin về dữ liệu cá nhân hoặc 1 tài khoản ngân hàng gọi là 1 data) để kiếm lời. Đường giao cho em gái mình là **Phùng Thị L**, sinh năm 1983; trú tại: **phố A, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ** làm quản lý (đến cuối tháng 8/2023, **L** nghỉ việc nên **Đ** giao lại cho cháu gái ruột là **Phùng Thị Khánh L1**, sinh năm 2001; trú tại: **xã Y, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc** làm thay). Ngoài ra còn có các nhân viên tư vấn bán hàng. Đến ngày 12/9/2023, **Đ** thuê **Nguyễn Anh T14**, sinh năm 1982; trú tại: **thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc** làm Phó Giám đốc để quản lý nhân viên của **Công ty G3**. Tuy nhiên, **T14** là người khuyết tật (cụt tay) nên **Đ** chỉ giao thực hiện việc chăm công khi nhân viên đến làm việc, ngoài ra không thực hiện công việc gì khác. Đường hướng dẫn **L** cách thức soạn, đăng bài quảng cáo bán data như: “Data nóng”, “Data uy tín, chất lượng” ... trên các hội nhóm mạng xã hội **T15**, **Z** để liên hệ mời chào người mua. Sau đó, **L** trực tiếp hướng dẫn nhân viên mở nhiều tài khoản telegram khác nhau, soạn tin, bài quảng cáo, đăng nhập vào các hội nhóm để rao bán và trực tiếp liên hệ với khách hàng. Đường và nhân viên cùng thống nhất giá bán 01 data từ 100 đồng đến 3.000 đồng tùy theo số lượng hoặc từng loại dữ liệu, nhu cầu của người mua, nhân viên được hưởng 20% số tiền bán được, số còn lại chuyển về tài khoản của **Đ** hoặc tài khoản **ngân hàng B** do Đường mượn của chị gái mình là **Phùng Thị Y**, sinh năm 1976; trú tại: **thôn D, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc**.

Để có thông tin dữ liệu cá nhân và tài khoản ngân hàng bán cho người khác, **Đ** sử dụng tài khoản Telegram có tên là “@hotrotaichinh7968” đăng nhập vào hội nhóm “GROUP MMO” trên ứng dụng Telegram liên hệ với tài khoản **T15** “RiP” của **Phạm Thị Thúy H3**, sinh năm 1992; trú tại: **thôn P, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa** để mua nhiều loại thông tin dữ liệu cá nhân khác nhau. Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2023 đến tháng 6/2023, **Đ** đã thực hiện 116 lần giao dịch chuyển khoản cho **H3** với tổng số tiền **150.355.554 đồng** thông qua 02 tài khoản của **ngân hàng M4** và số 75888888888889, những tài khoản này Hà mượn của **Huỳnh Bích V1**, sinh năm 1991; trú tại: **xã X, huyện V, tỉnh Khánh Hòa** (**H3** không nói cho **V1** biết việc dùng tài khoản ngân hàng để giao dịch mua bán dữ liệu cá nhân với **Đ**), các lần giao dịch chuyển tiền đều dưới 50.000.000 đồng. Toàn bộ dữ liệu thông tin cá nhân bán cho **Đ** là do **H3** mua của **Phan Thị Kim T12**, sinh năm 1991; nơi ĐKKHKT: **thôn B, xã N, thị xã N, tỉnh**

Khánh Hòa; chỗ ở: thôn X, xã V, TP N, tỉnh Khánh Hòa thông qua 38 lần giao dịch với tổng số tiền là **164.000.000 đồng** (các lần giao dịch chuyển tiền đều dưới 50.000.000 đồng). Để có được các dữ liệu là thông tin về tài khoản của các ngân hàng, Đ liên hệ qua mạng xã hội mua 4.000.0000 tài khoản ngân hàng của **Cao Phú T**, sinh năm 2003; HKTT: **xã T, TP ., tỉnh Đồng Tháp** và **Nguyễn Thanh E**, sinh năm 1998; HKTT: **Phường T, TP ., tỉnh Đồng Tháp** với 8 lần giao dịch chuyển khoản đến tài khoản mang tên **Nguyễn Thanh E** và **Bùi Phương Hoàng G** (là tài khoản do Thanh Em quản lý, sử dụng) số tiền **10.700.000 đồng**.

Sau khi mua được thông tin tài khoản ngân hàng, Đ đã cắt nhỏ thành các file khác nhau. Đối với dữ liệu là thông tin cá nhân thì Đ cắt, ghép với nhau sau đó chia cắt thành các file nhỏ rồi chuyển toàn bộ cho **L**, sau này là **L1** quản lý, khi có khách mua thì bán hoặc chuyển có nhân viên bán khi có khách đặt mua. Cụ thể:

1. **Phùng Thị L**: Là người trực tiếp cắt file dữ liệu để giao cho nhân viên bán cho khách hàng, Đ chuyển cho **L01** file dữ liệu chứa 2.000 thông tin tài khoản **ngân hàng T22**, 01 file dữ liệu chứa 116 thông tin tài khoản **ngân hàng V5** và 52 thông tin tài khoản **ngân hàng M4**. Sau đó **L** lưu trữ trên điện thoại và máy tính cá nhân rồi chuyển bản sao 01 file dữ liệu chứa 2.000 thông tin tài khoản **ngân hàng T22** cho **L1**; 01 file chứa 52 thông tin tài khoản **ngân hàng M4** cho **Kiều Thị Thu H1**, sinh năm 2001; trú tại: **xã B, huyện P, tỉnh Phú Thọ**.

2. **Phùng Khánh L1**: Là người thay thế **L** sau khi **L** nghỉ việc, **L1** nhận 01 file dữ liệu chứa 52.000 thông tin tài khoản **ngân hàng T22** từ Đường, ngoài ra **L1** còn nhận từ **L01** file dữ liệu chứa 2.000 thông tin tài khoản **ngân hàng T22**. Sau đó **L1** lưu trữ trên điện thoại di động và máy tính cá nhân rồi chuyển bản sao file dữ liệu chứa 52.000 thông tin tài khoản **ngân hàng T22** cho **Nguyễn Văn M1**, sinh năm 1992; nơi ĐKHKT: **xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc**; chỗ ở: **khu H, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ**, là nhân viên của Công ty.

3. **Nguyễn Văn M1**: Sau khi nhận dữ liệu chứa 52.000 thông tin tài khoản **ngân hàng T22** từ **L**, **M1** lưu trữ ở điện thoại di động mục đích để bán.

4. **Nguyễn Thị T7**, sinh năm 1983; nơi ĐKHKT: **phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang**; chỗ ở: **khu P, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ** là nhân viên Công ty TNHH **V3**. Thao nhận 01 file dữ liệu chứa 1.129 thông tin tài khoản **ngân hàng V5** từ **Phùng Xuân Đ** rồi lưu trữ trên điện thoại di động mục đích để bán.

5. **Kiều Thị Thu H1**: Là nhân viên **Công ty TNHH V3**, **H1** nhận 01 file chứa 52 thông tin tài khoản ngân hàng MB từ **L** rồi lưu trữ trên điện thoại di động mục đích để bán.

Ngày 26/9/2023, **Nguyễn Văn M1** đến Cơ quan điều tra- **Công an tỉnh P** tự thú và khai nhận hành vi vi phạm của mình và **Công ty TNHH V3**.

Cơ quan điều tra- **Công an tỉnh P** đã tiến hành khám xét khẩn cấp **Công ty TNHH V3** và phát hiện 23 nhân viên đang làm việc gồm:

1. **Phùng Thị Khánh L1**.
2. **Kiều Thị Thu H1**.
3. **Nguyễn Thị Thao**.
4. **Trương Văn T16**, sinh năm 1986; trú tại: **xã T, B, Hà Nội**.
5. **Phạm Thị Kim D3**, sinh năm 1981; trú tại: **xã V, huyện L, tỉnh Phú Thọ**.
6. **Lưu Thị Bích H5**, sinh năm 1991; trú tại: **phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ**.
7. **Nguyễn Phương H6**, sinh năm 1993; trú tại: **phường M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ**.
8. **Hán Thị Vân T17**, sinh năm 1993; trú tại: **thị trấn H, huyện L, tỉnh Phú Thọ**.
9. **Nguyễn Phi T18**, sinh năm 2001; trú tại: **phường B, thành phố V, tỉnh Phú Thọ**.
10. **Triệu Quang V2**, sinh năm 2000; trú tại: **khu X, xã C, huyện T, tỉnh Phú Thọ**.
11. **Phùng Mạnh H7**, sinh năm 2003; trú tại: **xã P, huyện B, thành phố Hà Nội**.
12. **Vũ Thị G1**, sinh năm 1996; trú tại: **xã H, thành phố V, tỉnh Phú Thọ**.
13. **Tạ Hồng H8**, sinh năm 1990; trú tại: **khu A, phường D, thành phố V, tỉnh Phú Thọ**.
14. **Nguyễn Thị T19**, sinh năm 1997; trú tại: **khu E, phường V, thành phố V, tỉnh Phú Thọ**.
15. **Vũ Chiều D4**, sinh năm 1990; trú tại: **xã V, huyện L, tỉnh Phú Thọ**.
16. **Phan Thùy L5**, sinh năm 2003; trú tại: **xã T, huyện B, thành phố Hà Nội**.
17. **Nguyễn Anh T14**, sinh năm 1982; trú tại: **thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc**.
18. **Nguyễn Thị Hồng T20**, sinh năm 1991; trú tại: **xã T, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc**.
19. **Nguyễn Đức H9**, sinh năm 2000; trú tại: **khu D, xã P, huyện H, tỉnh Phú Thọ**.
20. **Dương Ngọc K1**, sinh năm 1998; trú tại: **xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ**.
21. **Nguyễn Thế C1**, sinh năm 1982; trú tại: **tổ B, phường N, V, Phú Thọ**.
22. **Ngô Thị O**, sinh năm 1994; trú tại: **thôn H, xã Y, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc**.

23. Trương Thị N, sinh năm 1998; trú tại: xã C, huyện B, thành phố Hà Nội.

Quá trình khám xét thu giữ: 14 máy tính; 32 điện thoại di động các đối tượng sử dụng để liên lạc, trao đổi mua bán thông tin tài khoản ngân hàng và thông tin dữ liệu cá nhân.

Ngoài những nhân viên nêu trên còn một số nhân viên không có mặt tại thời điểm khám xét hoặc đã nghỉ việc có liên quan đến hành vi mua bán thông tin dữ liệu cá nhân, gồm:

1. Nguyễn Văn C2, sinh năm 1986, trú tại: thôn T, xã Đ, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Nguyễn Thị H10, sinh năm 1983; trú tại: khu L, phường M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

3. Khuất Thị Quỳnh T21, sinh năm 1993; trú tại: khu P, phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

4. Đỗ Văn Đ1, sinh năm 1984, trú tại: thôn C, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

5. Phạm Thị Thùy D5, sinh năm 1997; trú tại: thôn Đ, xã X, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

6. Trần Phương H11, sinh năm 1991; trú tại: thôn Đ, xã X, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

7. Nguyễn Thị P, sinh năm 1992; trú tại: đội F, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

8. Trần Thị M3, sinh năm 1992; trú tại: thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

Như vậy, Phan Thị Kim T12 đã có hành vi mua bán thông tin dữ liệu thông tin cá nhân thu lợi bất chính 164.000.000 đồng; Phạm Thị Thúy H3 có hành vi mua bán thông tin dữ liệu thông tin cá nhân thu lợi bất chính 150.355.554 đồng; Nguyễn Thanh E và Cao Phú T có hành vi mua bán 4.000.000 thông tin tài khoản ngân hàng thu lợi bất chính 10.700.000 đồng; Phùng Xuân Đ có hành vi tàng trữ trái phép 4.000.000 thông tin tài khoản ngân hàng; Phùng Thị L có hành vi tàng trữ trái phép 2.168 thông tin tài khoản ngân hàng; Phùng Thị Khánh L1 có hành vi tàng trữ trái phép 54.000 thông tin tài khoản ngân hàng; Nguyễn Văn M1 có hành vi tàng trữ trái phép 52.000 thông tin tài khoản ngân hàng; Nguyễn Thị T7 có hành vi tàng trữ trái phép 1.129 thông tin tài khoản ngân hàng; Kiều Thị Thu H1 có hành vi tàng trữ trái phép 52 thông tin tài khoản ngân hàng. Quá trình điều tra xác định, Phùng Xuân Đ và nhân viên trong công ty TNHH V3 chưa bán được thông tin tài khoản ngân hàng nào.

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Thị Thúy H3, Phan Thị Kim T12, Nguyễn Thanh E, Cao Phú T, Phùng Xuân Đ, Phùng Thị L, Phùng Thị Khánh L1, Nguyễn Văn M1,

Kiều Thị Thu H1, Nguyễn Thị T7 đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên.

Về nguồn gốc thông tin giữ liệu cá nhân bán cho Phạm Thúy H3, Phan Thị Kim T12 khai thu thập trên trang mạng xã hội Telegram sau đó bán kiếm lời.

Về nguồn gốc thông tin tài khoản ngân hàng bán cho Đ, Nguyễn Thanh E và Cao Phú Tkhai cùng Nguyễn Ngọc N1, sinh năm 1988; trú tại: xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp thu thập trên mạng xã hội Telegram sau đó bán kiếm lời. Số tiền 10.700.000 đồng bán thông tin tài khoản cho Đ, T được hưởng 2.000.000 đồng, Thanh E được hưởng 8.700.000 đồng.

Ngoài hành vi như đã nêu trên, Phùng Xuân Đ, Phùng Thị L, Phùng Thị Khánh L1, Nguyễn Văn M1, Nguyễn Thị T7, Kiều Thị Thu H1 còn có hành vi mua bán thông tin dữ liệu cá nhân tuy nhiên chưa xác định được người mua và số tiền thu lợi bất chính nên Cơ quan điều tra đã tách hồ sơ thụ lý theo trình tự tố giác, tin báo về tội phạm để tiếp tục điều tra, làm rõ để xử lý (Quyết định số 2300 ngày 08/6/2024).

Đối với Phạm Thị Kim D3, Lưu Thị Bích H5, Nguyễn Phương H6, Hán Thị Vân T17, Nguyễn Phi T18, Triệu Quang V2, Phùng Mạnh H7, Vũ Thị G1, Tạ Hồng H8, Nguyễn Thị T19, Vũ Chiêu D4, Phan Thùy L5, Trần Thị M3, Nguyễn Thị Hồng T20, Nguyễn Đức H9, Dương Ngọc K1, Nguyễn Thế C1, Nguyễn Văn C2, Nguyễn Thị H10, Khuất Thị Quỳnh T21, Đỗ Văn Đ1, Phạm Thị Thùy D5, Trần Phương H11, Nguyễn Thị P là nhân viên Công ty TNHH V3, có hành vi bán dữ liệu thông tin cá nhân nhưng chưa xác định được người mua và số tiền được thu lợi bất chính nên Cơ quan điều tra đã tách hồ sơ tiếp tục điều tra, làm rõ để xử lý;

Đối với Trương Văn T16, Ngô Thị O, Nguyễn Anh T14, là nhân viên Công ty TNHH V3 nhưng mới đến Công ty làm. Bản thân T16, O, T14 không tham gia, không biết và không được hưởng lợi gì từ hành vi phạm tội của Đ và những nhân viên khác trong công ty nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với Nguyễn Ngọc N1, cơ quan điều tra đã nhiều lần triệu tập, xác minh nhưng N1 không có mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý;

Đối với Bùi Phương Hoàng G2, là người cho Nguyễn Thanh E mượn tài khoản ngân hàng để giao dịch với Đ. Cơ quan điều tra đã nhiều lần triệu tập, xác minh nhưng G2 không có mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

Đối với Huỳnh Thị Bích V1, là người cho Phạm Thị Thúy H3 mượn tài khoản ngân hàng để giao dịch với Đ. Bản thân V1 không biết H3 sử dụng tài khoản để thực hiện hành vi phạm tội và không được hưởng lợi gì. Cơ quan điều tra đã chuyển Công an tỉnh Pra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi cho mượn, cho thuê thông tin về tài khoản thanh toán.

Đối với Phùng Thị Y, là người cho Đ mượn tài khoản để giao dịch mua bán thông tin dữ liệu cá nhân. Cơ quan điều tra đã tách hồ sơ tiếp tục điều tra, làm rõ để xử lý.

Quá trình điều tra, Phạm Thị Thúy H3 tự nguyện nộp số tiền 50.200.000 đồng; Phan Thị Kim T12 tự nguyện nộp số tiền 30.200.000 đồng là một phần số tiền thu lời bất chính.

*** Vật chứng và tài sản thu giữ:** Cơ quan điều tra đã thu giữ của:

1. **Phạm Thị Thúy H3:** 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS FX507ZE - HN093W, màu đen, số SN: N9NRCX03B24236B. Bên trong chứa nhiều file thông tin dữ liệu cá nhân.

2. **Phan Thị Kim T12:** 01 máy tính xách tay Macbook Pro, màu bạc, Số seri: LK4PWQC41V bên trong chứa nhiều file thông tin dữ liệu cá nhân.

3. **Nguyễn Thanh E:** 01 chiếc máy vi tính bao gồm key máy tính màu đen bạc, 01 màn hình máy vi tính có ký hiệu “VSP” Số Device ID: 81F93724-B5BD-4094-87C1-860215800225; 01 điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI 13 màu đen, IMEI: 866917063637134//00; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12Promax màu vàng, IMEI: 3509819866935346 bên trong đều có chứa 4.000.000 thông tin về tài khoản của các ngân hàng.

4. **Cao Phú Túc:** 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 12, màu đen, IMEI 1: 863138064793346, IMEI 2: 863138064793353; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xanh, số IMEI1: 867397050587478; Số IMEI2: 867397050587460 bên trong đều có chứa 4.000.000 thông tin về tài khoản của các ngân hàng.

5. **Phùng Xuân Đ:**

- 01 máy tính xách tay nhãn hiệu MSI, màu trắng, số seri 4719072918248; 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro max, mặt sau màu đen, I: 352048883662283, gắn sim số 0835133333 bên trong đều có chứa nhiều file thông tin dữ liệu cá nhân và nhiều file chứa 4.000.000 thông tin về tài khoản của các ngân hàng.

- 01 máy tính xách tay nhãn hiệu DELL, màu đen, dán tem nền màu trắng có dãy số 3795304717;
- 01 máy tính xách tay nhãn hiệu DELL, VOSTRE 3559 màu đen;
- 01 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV V3, mã số 2500586844 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh V cấp.
- 01 Hộp dầu màu đỏ đen, có hình dấu Phùng Xuân Đ, MST 19J8002193, xã Y, Sông L, Vĩnh Phúc.
- 01 Hộp dầu màu xanh có hình dấu Phùng Xuân Đ.

6. Phùng Thị L: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11Promax màu xám, IMEI: 352842112716427; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Dell Latitude 7280, màu đen, số Seri 8273599994; S/N: 3STVYM2 bên trong đều có 01 file chứa 2.000 tài khoản T22 và 01 file chứa 116 thông tin tài khoản ngân hàng V5;

7. Phùng Thị Khánh Linh: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XR (Máy đã thay vỏ lên 12Pro màu vàng, mặt lưng phía sau bị nứt vỡ). IMEI: 357355096464422, có Số I: 357355096419509, lắp sim số: 0396201972; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Google, model: COA 8A11G05BAF màu trắng bên trong đều có 01 file dữ liệu chứa 2.000 thông tin tài khoản ngân hàng T22 và 01 file chứa 52.000 thông tin tài khoản ngân hàng T22.

8. Nguyễn Văn M1: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, số imei 1: 359735193189626, số imei 2: 359735193216528, lắp sim 0978380226; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A20, số imei 1: 357648101914898, số imei2: 359735193216528, lắp sim 0978380226 bên trong đều có 01 file chứa 52.000 thông tin về tài khoản ngân hàng T22; 01 quyển sổ bìa màu vàng bên trong có ghi nhiều chữ và số tự nhiên; 01 Quyết định ngày 12/9/2021.

9. Nguyễn Thị T7: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A12 màu xanh, có số imei1: 865194053656836 bên trong có 01 file dữ liệu chứa 1.129 thông tin về tài khoản ngân hàng V5; 01 Điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F11 Pro màu tím, có số imei 1: 863880040656333, gắn sim số: 0915116722.

10. Kiều Thị Thu H1: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11promax màu xanh đen, có số imei: 353891105890102; gắn sim số: 0355666302 bên trong có 01 file dữ liệu chứa 52 thông tin về tài khoản ngân hàng M4; 01 máy tính laptop nhãn hiệu HP ProBook 430; SN#SPH8462NY2;

11. Vũ Chiều D4: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, số imei 1: 359476082366245, số imei2: 35947608236624, lắp sim 0981758642; 01 điện thoại di

động nhãn hiệu Xiaomi note4, số imei1: 865646034917629, số imei 2: 865646034917637, kèm 01 sim trong máy; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 promax, số imei1: 352853112079021; số imei 2: 352853112245465, lắp sim số 0349655399; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu DELL Ultrabook Latitude 7480, màu đen.

12. Dương Ngọc K1: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 plus, màu vàng hồng, số máy MQ982LL/A, số imei: 356114091453927, lắp sim số 0779225698; 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphoe 12 pro max, màu đen, số máy NG9ALL/A, số imei1: 354860894840403, số imei2: 354860894825172, lắp sim số 0329826284.

13. Lưu Thị Bích H5: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu hồng, số imei: 355837084719067, lắp sim số 0866426291; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 pro max, màu vàng, số imei: 353730393478735, lắp sim số 0972822891; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP, màu vàng, model 15-da0048DU; 01 quyển sổ bìa màu vàng ghi chữ “Nhóm 3” bên trong có nhiều chữ và số tự nhiên.

14. Phùng Mạnh H7: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, số imei: 359176079610015, lắp sim số 0338082447; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung galaxy A04, số imei1: 351890416750379, số imei2: 353869186750039, lắp sim số 0559969377.

15. Trương Văn T16: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy M32, số imei1: 359093385107505, số imei2: 359768845107506, lắp sim số 0865003724.

16. Nguyễn Phi T18: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax, số imei: 359761973540937, lắp sim số 0929049555; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Vivobook, màu xám, ID: F4BBD0EEE634.

17. Ngô Thị O: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno5 màu trắng, kiểu máy CPH2159 gắn sim số 0385741999 và 0934611778, imei1: 865545054228919, imei2: 865545054228901; 01 quyển sổ da màu đen bên trong có nhiều chữ và số.

18. Triệu Quang Vinh: 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Dell màu đen, Model: Inspiron 7447, số serialnumber; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F7 màu đen, đã cũ có imei: 868604033423756, imei2: 86904033423749, gắn sim số 0333917306 và số 0865802563.

19. Trương Thị N: 01 điện thoại di động nhãn hiệu IphoneX màu vàng gắn sim số 0387707835, số imei1: 357225098448337, imei2: 357225097985115.

20. Vũ Thị G1: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu xanh, gắn sim số 0399648728, số imei1: 353901101286732, imei2: 53901101098632.

21. **Tạ Hồng H8**: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 màu trắng, gắn sim số 0989052990, imei: 354832098993106; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Dell latitude 3540 màu đen, có số seri: FVMTPY1; 01 quyển sổ da màu đen bên trong có nhiều chữ và số.

22. **Phan Thùy L5**: 01 điện thoại di động iphone 12 promax màu xanh lắp sim số 0867.279.265; imei 1: 356712114251432; imei 2: 356712110834322.

23. **Nguyễn Thế C1**: 01 điện thoại nhãn hiệu Sam sung Galaxy A23 màu đen, lắp sim số: 0981210782; sim số 2: 0867132135; số IMEI 1: 353220820861257, số IMEI 2: 353319900861250.

24. **Nguyễn Phương H6**: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XSMAX màu vàng, có số imei: 357278091298647, gắn sim số: 0796060465; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XSMAX màu vàng, có số imei: 357299090676765, gắn sim số: 0848910193; 01 Laptop nhãn hiệu Dell màu trắng LATITUDE 7440.

25. **Phạm Thị Kim D3**: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A72 màu xanh, lắp sim số: 0774.371.688, Số IMEI: 865612041240157.

26. **Nguyễn Đức H9**: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu trắng có số imei: 352984110218152; gắn sim số: 0379.577.866.

27. **Hán Thị Vân Trường**: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu xanh đen, có số imei: 353906105024658, gắn sim số 0386.590.088; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP ProBook 430; SPH825JXQ5.

28. **Nguyễn Thị T19**: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13promax màu vàng, lắp sim số 0372.457.110, số imei: 351596242249631.

29. **Nguyễn Thị Hồng T20**: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13promax màu xanh, lắp sim số 0985.087.536 có số imei: 352990488433166.

30. **Nguyễn Anh T14**: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A32 màu đen, số imei1: 356835252928394, imei2: 358934992928398, gắn sim số: 0963377768; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Macbookpro Model: A1398EMC2881 màu ghi, số seri: C02PQ040G3QP; 01 tờ giấy A4 ghi nhóm làm việc có đóng dấu của công ty TNHH V3; 01 quyết định số 05120922023 của công ty TNHH V3; 01 dấu tròn Công ty TNHH V3; 01 dấu chức danh giám đốc mang tên Phùng Xuân Đ.

Những vật chứng nêu trên đang được tạm giữ tại kho vật chứng Công an tỉnh P. Số tiền 80.400.000 đồng là tiền Phạm Thị Thúy H3 và Phan Thị Kim T12 tự nguyện nộp lại một phần tiền thu lợi bất chính tại tài khoản của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

* Về điều kiện kinh tế: Nguyễn Thanh E, Cao Phú T, Phùng Thị L, Phùng Thị Khánh L1, Nguyễn Văn M1, Kiều Thị Thu H1, Nguyễn Thị T7 không có tài sản gì ngoài những đồ dùng sinh hoạt thiết yếu.

Phạm Thị Thúy H3 có 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 228,7m² tại thôn P, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa; Phan Thị Kim T12 có 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tài sản chung của hai vợ chồng diện tích 80m², tại thôn X, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; Phùng Xuân Đ có 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 99,6m², tại thôn M, xã Y, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc, hiện đang thế chấp tại Ngân hàng N2 thông huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc.

Tại bản Cáo trạng số: 64/CT-VKSPT-P2 ngày 08/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đã truy tố các bị cáo: “

Nguyễn Thanh E, Cao Phú T về tội “Thu Thập, tàng trữ, mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 291 Bộ luật Hình sự.

Phùng Xuân Đ, Phùng Thị L, Phùng Thị Khánh L1, Nguyễn Văn M1, Nguyễn Thị T7 đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 291 Bộ luật Hình sự.

Kiều Thị Thu H1 về tội “Tàng trữ trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 291 Bộ luật Hình sự.

Phạm Thị Thúy H3, Phan Thị Kim T12 về tội “Đưa hoặc sử dụng trái phép mạng máy tính, mạng viễn thông” quy định tại điểm b khoản 1 điều 288 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như bản cáo trạng đã nêu và đề nghị:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thanh E, Cao Phú T về tội “Thu thập, tàng trữ, mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 291 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Phùng Xuân Đ, Phùng Thị L, Phùng Thị Khánh L1, Nguyễn Văn M1, Nguyễn Thị T7 đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 291 Bộ luật Hình sự;

Bị cáo Kiều Thị Thu H1 về tội “Tàng trữ trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 291 Bộ luật Hình sự;

Các bị cáo **Phạm Thị Thúy H3**, **Phan Thị Kim T12** về tội “Đưa hoặc sử dụng trái phép mạng máy tính, mạng viễn thông” quy định tại điểm b khoản 1 điều 288 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 291, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh E** từ 30 đến 33 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho **Ủy ban nhân dân phường T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp** giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo phối hợp với **UBND phường T** giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 291, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Cao Phú T** từ 27 đến 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 54 đến 60 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho **Ủy ban nhân dân xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp** giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo phối hợp với **UBND xã T** giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 291, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Phùng Xuân Đ** từ 300.000.000 đồng đến 350.000.000 đồng để sung ngân sách nhà nước.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 291, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo **Phùng Thị Khánh L1** từ 280.000.000đồng đến 300.000.000đồng; **Phùng Thị L** từ 260.000.000đồng đến 280.000.000đồng; **Nguyễn Thị T7** từ 240.000.000đồng đến 260.000.000đồng để sung ngân sách nhà nước.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 291, điểm s, r khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn M1** từ 160.000.000đồng đến 180.000.000đồng

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 291, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Kiều Thị Thu H1** từ 50.000.000đồng đến 60.000.000đồng

Căn cứ điểm b khoản 1 điều 288, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Phạm Thị Thúy H3** và bị cáo **Phan Thị Kim T12** mỗi bị cáo từ 50.000.000đồng đến 70.000.000đồng

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 4 Điều 291 Bộ luật hình sự.

Phạt bổ sung đối với bị cáo **Nguyễn Thanh E** và **Cao Phú T** mỗi bị cáo từ 15 triệu đồng đến 20 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch Thu toàn bộ các điện thoại di động và các máy tính lát tốp của các bị cáo dùng vào việc phạm tội để bán sung ngân sách nhà nước. Tịch thu tiêu hủy các file dữ liệu trong các sim điện thoại và máy tính để tiêu hủy

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không tranh luận gì.

Các bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về đánh giá chứng cứ:

Tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận trong khoảng thời gian từ tháng 02/2023 đến tháng 9/2023, trên địa bàn nhiều tỉnh như Phú Thọ, Khánh Hoà, Đồng Tháp các bị

cáo đã có hành vi Sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông và hành vi Thu thập, tàng trữ, mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng, cụ thể như sau:

Phan Thị Kim T12 đã bán cho Phạm Thị Thúy H3 nhiều file chứa thông tin dữ liệu cá nhân thu lợi bất chính số tiền 164.000.000 đồng; Phạm Thị Thúy H3 đã bán cho Phùng Xuân Đ nhiều file chứa thông tin dữ liệu cá nhân thu lợi bất chính số tiền 150.355.554 đồng; Nguyễn Thanh E và Cao Phú T có hành vi thu thập, tàng trữ, mua bán trái phép 4.000.000 tài khoản ngân hàng của người khác, thu lời bất chính 10.700.000 đồng; Phùng Xuân Đ mua 4.000.000 thông tin các tài khoản ngân hàng của Nguyễn Thanh E và Cao Phú T sau đó lưu trữ trên điện thoại di động và máy tính cá nhân mục đích để bán; Phùng Thị L nhận từ Phùng Xuân Đ 2.168 thông tin các tài khoản ngân hàng sau đó lưu trữ trên điện thoại di động và máy tính cá nhân mục đích để bán; Phùng Thị Khánh L1 nhận 01 file dữ liệu chứa 52.000 thông tin tài khoản ngân hàng T22 từ Phùng Xuân Đ và 01 file dữ liệu chứa 2.000 tài khoản ngân hàng T22 từ L sau đó lưu trữ trên điện thoại di động và máy tính cá nhân mục đích để bán; Nguyễn Văn M1 nhận file dữ liệu chứa 52.000 thông tin tài khoản ngân hàng T22 từ L sau đó lưu trữ trên điện thoại di động mục đích để bán; Nguyễn Thị T7 nhận 1.129 thông tin tài khoản ngân hàng V5 từ P sau đó lưu trữ trên điện thoại di động mục đích để bán; Kiều Thị Thu H1 nhận 01 file chứa 52 thông tin tài khoản ngân hàng MB từ Phùng Thị L sau đó lưu trữ trên điện thoại di động mục đích để bán. Lời khai của các bị cáo phù hợp với vật chứng thu giữ của vụ án, phù hợp với lời khai của người làm chứng. Do đó có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Thanh E, Cao Phú T phạm tội “Thu thập, tàng trữ, mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 291 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Phùng Xuân Đ, Phùng Thị L, Phùng Thị Khánh L1, Nguyễn Văn M1, Nguyễn Thị T7 đã phạm tội “Tàng trữ trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 291 Bộ luật Hình sự; bị cáo Kiều Thị Thu H1 phạm tội “Tàng trữ trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 291 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Phạm Thị Thúy H3, Phan Thị Kim T12 phạm tội “Đưa hoặc sử dụng trái phép mạng máy tính, mạng viễn thông” theo quy định tại điểm b khoản 1 điều 288 Bộ luật Hình sự theo như nội dung cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát là đúng quy định của pháp luật.

Ngoài hành vi như đã nêu trên, Phùng Xuân Đ, Phùng Thị L, Phùng Thị Khánh L1, Nguyễn Văn M1, Nguyễn Thị T7, Kiều Thị Thu H1 còn có hành vi mua bán thông tin dữ liệu cá nhân tuy nhiên chưa xác định được người mua và số tiền thu lợi bất

chính nên Cơ quan điều tra đã tách hồ sơ thụ lý theo trình tự tố giác, tin báo về tội phạm để tiếp tục điều tra, làm rõ để xử lý (Quyết định số 2300 ngày 08/6/2024) là phù hợp.

Đối với Phạm Thị Kim D3, Lưu Thị Bích H5, Nguyễn Phương H6, Hán Thị Vân T17, Nguyễn Phi T18, Triệu Quang V2, Phùng Mạnh H7, Vũ Thị G1, Tạ Hồng H8, Nguyễn Thị T19, Vũ Chiêu D4, Phan Thùy L5, Trần Thị M3, Nguyễn Thị Hồng T20, Nguyễn Đức H9, Dương Ngọc K1, Nguyễn Thế C1, Nguyễn Văn C2, Nguyễn Thị H10, Khuất Thị Quỳnh T21, Đỗ Văn Đ1, Phạm Thị Thùy D5, Trần Phương H11, Nguyễn Thị P là nhân viên Công ty TNHH V3, có hành vi bán dữ liệu thông tin cá nhân nhưng chưa xác định được người mua và số tiền được thu lời bất chính nên Cơ quan điều tra đã tách hồ sơ tiếp tục điều tra, làm rõ để xử lý.

Đối với Trương Văn T16, Ngô Thị O, Nguyễn Anh T14, là nhân viên Công ty TNHH V3 nhưng mới đến Công ty làm. Bản thân T16, O, T14 không tham gia, không biết và không được hưởng lợi gì từ hành vi phạm tội của Đ và những nhân viên khác trong công ty nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Bị cáo Nguyễn Thanh E và Cao Phú T khai cùng với Nguyễn Ngọc N1 thu thập thông tin, Cơ quan điều tra đã nhiều lần triệu tập, xác minh nhưng N1 không có mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

Đối với Bùi Phương Hoàng G2, là người cho Nguyễn Thanh E mượn tài khoản ngân hàng để giao dịch với Đ. Cơ quan điều tra đã nhiều lần triệu tập, xác minh nhưng G2 không có mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý;

Đối với Huỳnh Thị Bích V1, là người cho Phạm Thị Thúy H3 mượn tài khoản ngân hàng để giao dịch với Đ. Bản thân V1 không biết H3 sử dụng tài khoản để thực hiện hành vi phạm tội và không được hưởng lợi gì. Cơ quan điều tra đã chuyển Công an tỉnh P ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Cho mượn, cho thuê thông tin về tài khoản thanh toán;

Đối với Phùng Thị Y, là người cho Đ mượn tài khoản để giao dịch mua bán thông tin dữ liệu cá nhân. Cơ quan điều tra đã tách hồ sơ tiếp tục điều tra, là rõ để xử lý là phù hợp.

Xét tính chất vụ án: Hành vi của các bị cáo nêu trên là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm đến chế độ quản lý an ninh mạng và quyền được bảo mật thông tin tài khoản ngân hàng của chủ sở hữu tài khoản nên cần phải xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

Về vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Đối với bị cáo Nguyễn Thanh E, Cao Phú T có hành vi thu thập, tàng trữ, mua bán trái phép 4.000.000 tài khoản ngân hàng của người khác và đã bán cho Phùng Xđường, thu lời bất chính 10.700.000 đồng và chia nhau, Em được hưởng 8.700.000đồng, Tđược hưởng 2.000.000đồngnên bị cáo Ecó vai trò chính, bị cáo T vai trò thứ hai trong vụ án nên cần phải lên mức án nghiêm khắc nhưng xét thấy bị cáo E và bị cáo T đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, quá trình điều tra bị cáo E nộp số tiền 8.700.000đồng và bị cáo T nộp 2.000.000đồng là khoản thu lời bất chính nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo E và T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên không nhất thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo hưởng mức án phạt tù cho hưởng án treo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ điều kiện giáo dục các bị cáo.

Đối với bị cáo Phùng Xuân D6 có hành vi tàng trữ trái phép tài khoản ngân hàng nhằm mục đích để bán, Đ đã mua 4.000.000 thông tin các tài khoản ngân hàng của Nguyễn Thanh E và Cao Phú T, ngoài ra Đ còn mua của Phạm Thị Thúy H3 nhiều file chứa thông tin dữ liệu cá nhân sau đó lưu trữ trên điện thoại di động và máy tính cá nhân mục đích để bán. Vì vậy, Đ giữ vai trò thứ ba trong vụ án này, nên cần phải xử phạt nghiêm khắc nhưng do bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Phùng Xuân Đ có bố là ông Phùng Văn C được tặng Huy chương kháng chiến Hạng nhì; bị cáo Đ ủng hộ quỹ vì người nghèo số tiền 2.000.000 đồng, vì vậy bị cáo còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Do bị có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo hưởng mức án phạt tiền là hình phạt chính cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo.

Đối với Phùng Thị L nhận từ Phùng Xuân Đ 2.168 thông tin các tài khoản ngân hàng; Phùng Thị Khánh L nhận 01 file dữ liệu chứa 52.000 thông tin tài khoản ngân

hàng T22 từ Phùng Xuân Đ và 01 file dữ liệu chứa 2.000 tài khoản ngân hàng T22 từ L; Nguyễn Thị T7 nhận 1.129 thông tin tài khoản ngân hàng V5 từ P sau đó lưu trữ trên điện thoại di động mục đích để bán, do vậy L1 có vai trò cao hơn L, L có vai trò cao hơn T12. Nhưng xét thấy, các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Phùng Thị L có bố đẻ là ông Phùng Văn C được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì, bị cáo Lũng hộ quỹ vì người nghèo số tiền 1.000.000 đồng; bị cáo Phùng Thị Khánh L1 có ông nội được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì, bị cáo L1 hộ quỹ vì người nghèo số tiền 1.000.000 đồng; bị cáo Nguyễn Thị T7 có ông nội là thương binh được tặng Huân chương kháng chiến hạng ba, do vậy các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Do các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cần áp hình phạt tiền là hình phạt chính theo hành vi phạm tội của từng bị cáo cũng đủ điều kiện giáo dục các bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn M1 nhận file dữ liệu chứa 52.000 thông tin tài khoản ngân hàng T22 từ L sau đó lưu trữ trên điện thoại di động mục đích để bán. Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn M1 tự thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo và áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo hưởng mức phạt tiền dưới khung hình phạt cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo.

Đối với bị cáo Kiều Thị Thu H1 nhận 01 file chứa 52 thông tin tài khoản ngân hàng MB từ Phùng Thị L sau đó lưu trữ trên điện thoại di động mục đích để bán. Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo và áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo hưởng mức phạt tiền dưới khung hình phạt cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo.

Đối với **Phạm Thị Thúy H3**, **Phan Thị Kim T12** đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo **Phạm Thị Thúy H3** đã nộp số tiền 50.200.000 đồng; bị cáo **Phan Thị Kim T12** đã nộp số tiền 30.200.000 đồng là khoản tiền thu lời bất chính nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo cũng đủ điều kiện giáo dục các bị cáo.

[2] Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 3 Điều 288 Bộ luật hình sự quy định người phạm tội còn có thể phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 đến 05 năm.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 291 Bộ luật hình sự quy định người phạm tội còn có thể phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Đối với bị cáo **Nguyễn Thanh E** và **Cao Phú T** cần phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo. Các bị cáo **Phùng Xuân Đ**, **Phạm Thị Thúy H3** và **Phan Thị Kim T12**, **Phùng Thị L**, **Phùng Thị Khánh L1**, **Nguyễn Văn M1**, **Kiều Thị Thu H1**, **Nguyễn Thị T7** đã áp dụng hình phạt chính bằng tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền và các hình phạt bổ sung khác.

[3] Về vật chứng vụ án: Tịch thu toàn bộ công cụ như điện thoại di động và máy tính xách tay của các bị cáo dùng vào việc phạm tội để bán sung ngân sách nhà nước; tịch thu tiêu hủy các file dữ liệu trong các điện thoại di động và các máy tính xách tay.

Số tiền các bị cáo thu lời bất chính sẽ truy thu để sung ngân sách nhà nước.

[4] Về án phí: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ về tội danh, mức hình phạt và các vấn đề khác của vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

[6] Các quyết định của Cơ quan cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát được thực hiện theo đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự. Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện việc điều tra, thực hành quyền công tố và Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự đã đảm bảo khách quan đúng quy định của pháp luật. Người bào chữa cho bị cáo thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo **Nguyễn Thanh E**, **Cao Phú T** phạm tội “Thu Thập, tàng trữ, mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 291 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo **Phùng Xuân Đ**, **Phùng Thị L**, **Phùng Thị Khánh L1**, **Nguyễn Văn M1**, **Nguyễn Thị T7** đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 291 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo **Kiều Thị Thu H1** về tội “Tàng trữ trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 291 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo **Phạm Thị Thúy H3**, **Phan Thị Kim T12** về tội “Đưa hoặc sử dụng trái phép mạng máy tính, mạng viễn thông” quy định tại điểm b khoản 1 điều 288 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ:điểm a khoản 3 Điều 291; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thanh E** 33 (Ba mươi ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (Năm) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho **Ủy ban nhân dân phường T**, **thành phố S**, **tỉnh Đồng Tháp** giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo phối hợp với **Ủy ban nhân dân phường T** giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Cao Phú T** 30 (Ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (Năm) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho **Ủy ban nhân dân xã T**, **thành phố S**, **tỉnh Đồng Tháp** giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo phối hợp với **Ủy ban nhân dân xã T** giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 291; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Phùng Xuân Đ** 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) để sung ngân sách nhà nước.

Xử phạt: Bị cáo **Phùng Thị Khánh L1** 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng) để sung ngân sách nhà nước.

Xử phạt: Bị cáo **Phùng Thị L** 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng) để sung ngân sách nhà nước.

Xử phạt: bị cáo **Nguyễn Thị T7** 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng) để sung ngân sách nhà nước.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 291; điểm s, điểm r khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn M1** 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng) để sung ngân sách nhà nước.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 291; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Kiều Thị Thu H1** 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) để sung ngân sách nhà nước.

Căn cứ điểm b khoản 1 điều 288; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Thị Thúy H3** 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) để sung ngân sách nhà nước.

Xử phạt: Bị cáo **Phan Thị Kim T12** 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) để sung ngân sách nhà nước.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 4 Điều 291 Bộ luật hình sự.

Phạt bổ sung đối với bị cáo **Nguyễn Thanh E** 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) để sung ngân sách nhà nước.

Phạt bổ sung đối với bị cáo **Cao Phú T** 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) để sung ngân sách nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, điểm b Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu toàn bộ các điện thoại di động và máy tính xách tay để bán sung ngân sách nhà nước gồm:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax màu xám, IMT352048883662283, máy đã cũ, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong máy bị xước sát nhẹ (của **Phùng Xuân Đ**).

- 01 máy tính xách tay nhãn hiệu MSI DESKTOP-DKC6GU8 màu trắng, số seri: S/N: K2112N0146487, máy đã cũ, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong, máy bị xước sát nhẹ (của **Phùng Xuân Đ**).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu xám, IMEI:352842112716427, máy đã cũ, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong, máy bị xước sát nhẹ (của **Phùng Thị L**).

- 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Dell Latitude 7280, màu đen, số Seri8273599994; S/N: 3STVYM2, máy đã cũ, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong, máy bị xước sát nhẹ (của **Phùng Thị L**).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XR (máy đã thay vỏ lên 12Pro màu vàng, mặt lưng phía sau bị nứt vỡ), IMEI: 357355096464422, máy đã cũ, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong, máy bị xước sát nhẹ (của **Phùng Thị Khánh L1**).

- 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Google, màu trắng, Seri: 8A11GO5BAF, máy đã cũ, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong, máy bị xước sát nhẹ, mặt lưng của máy bị nứt vỡ (của **Phùng Thị Khánh L1**).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax màu xanh, IMEI:359735193189626, máy đã cũ, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong, máy bị xước sát nhẹ, mặt cam bị vỡ (của **Nguyễn Văn M1**).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG A20S, màu xanh, IMEI 1:357648101914898, IMEI 2: 357649101914896, máy đã cũ, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong, máy bị xước sát nhẹ, màn hình bị vỡ và có vết loang đen (của **Nguyễn Văn M1**).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu xanh, IMEI:353891105890102, máy đã cũ, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong, máy bị xước sát nhẹ (của **Kiều Thị Thu H1**).

- 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP Probook màu bạc, phần mặt trước dán decal màu hồng, số seri S/N: JPH8462NY2, máy đã cũ, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong, máy bị xước sát nhẹ (của **Kiều Thị Thu H1**).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A12 màu xanh, IMEI 1:865194053656836, IMEI 2: 865194053656828, máy đã cũ, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong, máy bị xước sát nhẹ (của Nguyễn Thị T7).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F11Pro, màu tím, IMEI 1:863880040656333; IMEI 2: 863880040656325, máy đã cũ, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong, máy bị xước sát nhẹ (của Nguyễn Thị T7).

- 01 (một) chiếc máy vi tính bao gồm key máy tính màu đen bạc, số Device ID:81F93724-B5BD-4094-87C1-860215800225, 01 màn hình máy vi tính có ký hiệu “VSP”, máy đã cũ, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong, máy bị xước sát nhẹ (của Nguyễn Thanh E).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI 13 màu đen, IMEI:866917063637134//00, máy đã cũ, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong, máy bị xước sát nhẹ (của Nguyễn Thanh E).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12Promax màu vàng, IMEI:350981866935346, máy đã cũ, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong, máy bị xước sát nhẹ (của Nguyễn Thanh E).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 12, màu đen, IMEI 1:863138064793346, IMEI 2: 863138064793353, máy đã cũ, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong, máy bị xước sát nhẹ (của Cao Phú T).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xanh, số IMEI:867397050587478; Số IMEI2: 867397050587460, máy đã cũ, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong, máy bị xước sát nhẹ, máy bị mất 1 nút tăng âm lượng (của Cao Phú T).

- 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS FX507ZE - HN093W, màu đen, số SN:N9NRCX03B24236B, máy đã cũ, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong, máy bị xước sát nhẹ (của Phạm Thị Thúy H3).

- 01 máy tính xách tay Macbook Pro, màu bạc, Số seri: LK4PWQC41V, máy đã cũ, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong, máy bị xước sát nhẹ (của Phan Thị Kim T12).

Tịch thu tiêu hủy toàn bộ các file có trong điện thoại di động và các file có trong máy tính xách tay trên để tiêu hủy.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an tỉnh P với Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ ngày 16/7/2024).

Thu hồi khoản tiền thu lời bất chính của bị cáo **Nguyễn Thanh E** số tiền 8.700.000đồng. Xác nhận bị cáo **E** đã nộp 8.700.000đồng (Tám triệu bảy trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000502 ngày 09/7/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Thu hồi khoản tiền thu lời bất chính của bị cáo **Cao Phú T** 2.000.000đồng. Xác nhận bị cáo **T** đã nộp 2.000.000đồng (Hai triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0000503 ngày 09/7/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Thu hồi khoản tiền thu lời bất chính của **Phan Thị Kim T12** số tiền 164.000.000đồng. Xác nhận bị cáo **T12** đã nộp 30.200.000đồng (Ba mươi triệu hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000345 ngày 29/5/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Bị cáo còn phải nộp 133.800.000đồng (Một trăm ba mươi ba triệu tám trăm nghìn đồng).

Thu hồi khoản tiền thu lời bất chính của **Phạm Thị Thúy H3** số tiền 150.355.554đồng. Xác nhận bị cáo **H3** đã nộp 50.200.000đồng (Năm mươi triệu hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000346 ngày 29/5/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Bị cáo còn phải nộp 100.155.554đồng (Một trăm triệu một trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm năm mươi tư đồng).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo **Nguyễn Thanh E**, **Cao Phú T**, **Phùng Thị L**, **Phùng Thị Khánh L1**, **Nguyễn Văn M1**, **Nguyễn Thị T7**, **Kiều Thị Thu H1**, **Phan Thị Kim T12**, **Phạm Thị Thúy H3** mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Phòng PC01 - CA tỉnh Phú Thọ;
- Sở Tư Pháp tỉnh Phú Thọ;
- UB kiểm tra huyện ủy Sông Lô, Vĩnh Phúc;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Phú Thọ;
- Các bị cáo;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Toàn

